

Bản án số: 40/2026/HNGĐ-ST
Ngày 05/5/2026
“V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Đăng Anh Việt.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Phạm Thị Sâm và bà Phạm Thị Nhàn.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 8 – G.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – G tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Thanh Diệp - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8 – G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 29/2026/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 30/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 15/4/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hồ Thị L, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Thanh Giáo, xã I, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hồ Đăng L1, sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn Thanh Giáo, xã I, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hồ Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị L và anh Hồ Đăng L1 có trải qua thời gian tìm hiểu, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Quỳnh Bảng, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An (nay là xã Quỳnh Anh, tỉnh Nghệ An) vào ngày 14/01/2011.

Trong thời gian chung sống, chị L và anh L1 phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, chị L đã cố gắng nhẫn nhịn nhưng đến năm 2020 thì mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ đó đến nay, nay vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm tới nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hòa giải, tình cảm vợ chồng không còn nên chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L1.

Về con chung: Chị L và anh L1 có 02 con chung tên: Hồ Thị Nhân, sinh ngày 19/10/2011 và Hồ Thị Kim Huệ, sinh ngày 19/11/2013. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, cháu Nhân và cháu Huệ sống cùng với chị L. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả cháu Nhân và cháu Huệ cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Chị L không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bị đơn anh Hồ Đăng L1 không đến Tòa án để tham gia tố tụng, không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên tòa.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – G:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Hồ Thị L và anh Hồ Đăng L1 là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị L và anh L1 phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian, chị L có đơn xin ly hôn, anh L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh L1 không đến Tòa án để tham gia tố tụng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị L không còn yêu thương anh L1, không còn mong muốn chung sống cùng anh L1 nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L.

Về con chung: Chị L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hồ Thị Nhân và Hồ Thị Kim Huệ. Anh L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện ý kiến về việc giải quyết nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giao cháu Nhân và cháu Huệ cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động tự lập được. Anh L1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về án phí: Chị Hồ Thị L là nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Hồ Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn và giải quyết nuôi con chung với anh Hồ Đăng L1 có địa chỉ tại: Thôn Thanh Giáo, xã I, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 - G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Hồ Đăng L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị L và anh Hồ Đăng L1 trải qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quỳnh Anh, tỉnh Nghệ An. Vì vậy, hôn nhân giữa chị L và anh L1 là hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng chị L và anh L1 không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị L không còn yêu thương anh L1, không còn mong muốn chung sống cùng anh L1 nữa. Như vậy, chị L và anh L1 đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải, lấy lời khai, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì. Điều đó thể hiện anh L1 không còn quan tâm tới quan hệ hôn nhân với chị L, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, chị L

yêu cầu ly hôn với anh L1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Hồ Thị L và anh Hồ Đăng L1 có 02 con chung tên: Hồ Thị Nhân, sinh ngày 19/10/2011 và Hồ Thị Kim Huệ, sinh ngày 19/11/2013.

Cháu Nhân và cháu Huệ hiện đang sống cùng chị L. Chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nhân và cháu Huệ cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được. Quá trình giải quyết vụ án, anh L1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa án và cũng không có văn bản thể hiện nguyện vọng muốn nuôi dưỡng cháu Nhân và cháu Huệ. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Nhân và cháu Huệ là con gái, cần sự chăm sóc, chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống của người mẹ, từ khi chị L và anh L1 sống ly thân đến nay, cháu Nhân và cháu Huệ do chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L1 không thể hiện nguyện vọng nuôi dưỡng con chung, chị L có đủ điều kiện để nuôi dưỡng, đảm bảo sự phát triển toàn diện của cháu Nhân và cháu Huệ. Bên cạnh đó, cháu Nhân và cháu Huệ đều có nguyện vọng được sống cùng chị L. Do đó, cần giao cháu Hồ Thị Nhân và Hồ Thị Kim Huệ cho chị L nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên và tự lập được là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L không yêu cầu anh L1 phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh L1 cũng không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Hồ Thị L và anh Hồ Đăng L1 đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hồ Thị L là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự;
- Các Điều 9, 19, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Hồ Thị L được ly hôn với anh Hồ Đăng L1.
2. Về con chung: Giao cháu Hồ Thị Nhân, sinh ngày 19/10/2011 và cháu Hồ Thị Kim Huệ, sinh ngày 19/11/2013 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục khi các cháu chưa thành niên, hoặc đã thành niên mà mất năng lực

hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Hồ Đăng L1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng.

3. Về án phí:

Buộc chị Hồ Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000891, ngày 26/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh G. Chị L đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND Khu vực 8;
- Các đương sự;
- UBND xã Quỳnh Anh, tỉnh Nghệ An;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đặng Anh Việt